

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24-01-2022

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Mạnh Thức
Bà Phạm Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXX-ST ngày 11/01/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 28/6/1981. (vắng mặt)

HKTT: thôn M, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động tại NB.

Anh T ủy quyền cho anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1980; Căn cước công dân số 027080000368; Địa chỉ: Số A, phường. C, quận B, Hà Nội thay anh nhận và nộp các văn bản đối với Tòa án. (Văn bản ủy quyền ngày 23/12/2021 có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại NB).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh ngày 20/9/1989. (vắng mặt)

HKTT: thôn M, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai (có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại NB ngày 23/12/2021), nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Hai vợ chồng đăng ký kết hôn ngày 20/01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang nơi anh đăng ký hộ khẩu thường trú trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống,

không tin tưởng lẫn nhau, mâu thuẫn gay gắt làm cho cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, không sống cùng nhau được nữa. Anh và chị M có thời gian suy ngẫm, nhìn nhận lại vấn đề hôn nhân mà cả hai đang gặp phải nhưng cuộc sống hôn nhân vẫn không được cải thiện, không còn tiếng nói chung. Mặc dù đã được gia đình hai bên, bạn bè và anh em đã hòa giải nhiều lần nhưng tình nghĩa vợ chồng không còn. Anh xác định vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị M.

Về con chung: anh và chị M có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn S, sinh ngày 24/06/2011 và cháu Nguyễn Nhật L, sinh ngày 02/10/2017. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng chị M. Sau khi ly hôn anh đề nghị giao 02 con chung cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết..

Về tài sản chung, công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh T trình bày: Hiện nay do làm việc ở xa nên anh không thể về tham gia các buổi làm việc của Tòa án. Anh đề nghị Tòa án tiến hành phiên họp, xét xử giải quyết vắng mặt anh và đề nghị Tòa án không gửi văn bản tố tụng cho anh.

Chị Nguyễn Thị M là bị đơn trình bày: Hai vợ chồng đăng ký kết hôn ngày 20/01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau, mâu thuẫn gay gắt làm cho cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, không sống cùng nhau được nữa. Chị và anh T có thời gian suy ngẫm, nhìn nhận lại vấn đề hôn nhân mà cả hai đang gặp phải nhưng cuộc sống hôn nhân vẫn không được cải thiện, không còn tiếng nói chung. Mặc dù đã được gia đình hai bên, bạn bè và anh em đã hòa giải nhiều lần nhưng tình nghĩa vợ chồng không còn. Chị xác định vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay.

Về con chung: chị và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn S, sinh ngày 24/06/2011 và cháu Nguyễn Nhật L, sinh ngày 02/10/2017. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng chị. Sau khi ly hôn chị đề nghị giao con chung cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị M trình bày: Hiện nay do công việc của chị bận nên chị không đến làm việc với Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang được. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án, các phiên xét xử, các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Cháu Nguyễn Văn S trình bày: Hiện nay cháu đang sinh sống cùng mẹ, được mẹ nuôi dưỡng đầy đủ nên nếu bố mẹ ly hôn cháu xin ở với mẹ.

Tại phiên tòa, Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị M đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị M và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện viên kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Văn T là nguyên đơn đang lao động tại NB khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị M (Đơn có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại NB), chị Nguyễn Thị M là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án Tranh chấp hôn nhân và gia đình cụ thể là về việc ly hôn giữa anh T, chị M, về nuôi con chung có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa: Hội đồng xét xử thấy: Vụ án này Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang không tiến hành thu thập chứng cứ gì. Do vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về việc vắng mặt đương sự: Anh Nguyễn Văn T là nguyên đơn, chị Nguyễn Thị M là bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 277, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T, chị M.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị M kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 20/01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Anh T khởi kiện xin ly hôn chị M.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T với chị M, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn vợ chồng anh T, chị M chung sống hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Anh T, chị M đều xác định vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2018 đến nay. Hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không mong muốn chung sống cùng nhau nữa. Anh T, chị M đều thống nhất ly hôn. Như vậy, vợ chồng anh T, chị M không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T đối với chị M, xử cho anh T và chị M được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T và chị M đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn S, sinh ngày 24/06/2011 và cháu Nguyễn Nhật L, sinh ngày 02/10/2017. Hiện nay 02 cháu đang sinh sống cùng chị M. Anh T đề nghị giao 02 con chung cho chị M nuôi dưỡng và tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu đề nghị của anh T về việc giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay anh T đang lao động ở nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Chị M đồng ý đề nghị này và thực tế hiện nay 02 con chung đang được chị M chăm sóc, nuôi dưỡng, các cháu phát triển bình thường. Cháu S trên 07 tuổi có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Vì vậy, yêu cầu của anh T là có căn cứ để chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh T giao 02 con chung là cháu Nguyễn Văn S, Nguyễn Nhật L cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp điều kiện thực tế cũng như nguyện vọng của cháu S và đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung.

Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh T người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh T về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh T, chị M không yêu cầu. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về tài sản chung, công nợ: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét do anh T, chị M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị M.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Văn S, sinh ngày 24/06/2011 và cháu Nguyễn Nhật L, sinh ngày 02/10/2017 cho chị Nguyễn Thị M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn T người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000278 ngày 11/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Nguyễn Văn T hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã H, huyện L;
- Công thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Như Hiền